

Biểu số 1a

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tính gián biên chế	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Thời điểm nghỉ hưu	Kinh phí để thực hiện tính gián biên chế (1000 đồng)				Lý do tính gián
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, đặc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên				Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
9	Đinh Văn Vong	07/06/1967	Cử nhân Cao đẳng sư phạm thể dục	Giáo viên Trường Tiểu học An Vinh	4,06	01/01/2015			27%	01/01/2020							9.502	33 năm 4 tháng		01/01/2025	57 tuổi 6 tháng	01/07/2029	239.926	128.277	47.510	64.139	Điểm d khoản 1 Điều 2 ND 29
									28%	01/6/2020	8%	01/01/2020															
									29%	01/6/2021	9%	01/01/2021															
									30%	01/6/2022	10%	01/01/2022															
									31%	01/6/2023	11%	01/01/2023															
									32%	01/6/2024	12%	01/01/2024															
10	Đinh Văn Phi	10/12/1967	Cao đẳng sư phạm Tiểu học	Giáo viên Trường Tiểu học An Vinh	4,06	01/01/2014			27%	01/01/2020							9.588	33 năm 4 tháng		01/01/2025	57 tuổi	1/1/2030	256.479	143.820	47.940	64.719	Điểm d khoản 1 Điều 2 ND 29
									28%	01/6/2020	9%	01/01/2020															
									29%	01/6/2021	10%	01/01/2021															
									30%	01/6/2022	11%	01/01/2022															
									31%	01/6/2023	12%	01/01/2023															
									32%	01/6/2024	13%	01/01/2024															
11	Lý Trọng Chánh	15/02/1967	Đại học Ngữ văn	Hiệu trưởng Trường Tiểu học An Quang	4,98	01/07/2011	0,3	01/9/2019	31%	01/01/2020	10%	01/7/2019					13.006	38 năm 4 tháng		01/01/2025	57 tuổi 10 tháng	1/3/2029	360.917	175.581	65.030	120.306	Điểm d khoản 1 Điều 2 ND 29
									32%	01/3/2020	11%	01/7/2020															
									33%	01/3/2021	12%	01/7/2021															
									34%	01/3/2022	13%	01/7/2022															
									35%	01/3/2023	14%	01/7/2023															
									36%	01/3/2024	15%	01/7/2024															
12	Nguyễn Văn Thuận	01/5/1966	Cao đẳng Tiểu học	Giáo viên Trường Tiểu học An Toàn	4,06	01/4/2012			29%	01/3/2019	10%	01/4/2019					9.908	36 năm 4 tháng		01/01/2025	58 tuổi 7 tháng	1/6/2028	235.315	104.034	49.540	81.741	Điểm d khoản 1 Điều 2 ND 29
									30%	01/3/2020	11%	01/4/2020															
									31%	01/3/2021	12%	01/4/2021															
									32%	01/3/2022	13%	01/4/2022															
									33%	01/3/2023	14%	01/4/2023															
									34%	01/3/2024	15%	01/4/2024															

BIỂU SỐ 1c

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI THÔI VIỆC NGAY 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương theo ngạch, bậc, trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tính giảm biên chế	Tuổi khi giải quyết tính giảm biên chế	Kinh phí để thực hiện tính giảm biên chế (1000 đồng)			Lý do tính giảm
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số lương	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc PCKV hệ số 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tìm việc	Trợ cấp do đóng BHXH	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG CỘNG				2 người																		938.490	84.006	854.484	
	UBND huyện Phù Mỹ																									
1	Trương Văn Mừng	04/3/1969	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học	Giáo viên Trường Tiểu học Mỹ Châu	4,34	01/01/2023			25%	01/12/2018					3,66	1/7/2019	13.202	8.177	31 năm 4 tháng		01/01/2025	55 tuổi 9 tháng	425.969	39.606	386.363	Điểm đ Khoản 1 Điều 2 NĐ 29
									26%	01/12/2019					3,99	01/1/2020										
									27%	01/12/2020					4,00	01/10/2022										
									28%	01/12/2021																
									29%	01/12/2022																
									30%	01/12/2023																
									UBND huyện Vĩnh Thạnh																	
2	Hồ Công Đắc	14/8/1968	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Trường Tiểu học thị trấn Vĩnh Thạnh	5,36	12/01/2024			18%	12/01/2024	5%	1/1/2023			4,98	1/1/2020	14.800	8.791	35 năm 3 tháng	0	01/01/2025	56 tuổi 4 tháng	512.521	44.400	468.121	Điểm đ khoản 1 Điều 2 NĐ 29
									0%	1/1/2024																

Số: 4495 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện
chính sách tinh giản biên chế 6 tháng đầu năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 790/TTr-SNV ngày 16/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế 6 tháng đầu năm 2025 đối với 20 cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể như sau:

- Cán bộ, công chức thực hiện giải quyết chính sách nghỉ hưu trước tuổi: 06 người;
- Viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện giải quyết chính sách nghỉ hưu trước tuổi: 12 người;
- Viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện giải quyết chính sách thôi việc ngay: 02 người.
- Tổng kinh phí thực hiện: 4.954.096.000 đồng (Bốn tỷ, chín trăm năm mươi tư triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

(Có biểu số 1a và biểu số 1c đính kèm Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trường hợp tinh giản biên chế:
 - Triển khai thực hiện các thủ tục giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cho cán bộ, công chức, viên chức đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.
 - Báo cáo kết quả thực hiện cho Sở Nội vụ, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp kết quả thực hiện tình hình giảm biên chế, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính kiểm tra theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm bố trí và hướng dẫn việc sử dụng kinh phí để cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chi trả chế độ chính sách tình hình giảm biên chế theo quy định.

4. Bảo hiểm xã hội tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố thực hiện giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng thuộc diện tình hình giảm biên chế theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các cán bộ, công chức, viên chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu: VT, K7.

Munt

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang